TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN P
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:275 /2023/DS -ST
Ngày: 06-6-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Quang Cảnh;
2. Ông Nguyễn Đình Thức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Viện Kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà- *Kiểm sát viên*

Ngày 06 tháng 06 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 636/2023/TLST-DS ngày 15/12/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 360/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T
Địa chỉ: Đường N, phường S, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc T
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức T2 – sinh năm 1984 (Có đơn xin vắng mặt)
Văn bản ủy quyền: số 606/2022/UQ-TGĐ ngày 31/10/2022.
Địa chỉ: đường N, phường S, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn:

Ông Đào Nguyên T3 – sinh năm 1994, CCCD 052094000xxx (Vắng mặt)
Địa chỉ: đường T, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP T (gọi tắt Ngân hàng T) do ông Trần Đức T2 là người đại diện theo ủy quyền có lời khai thể hiện:

Ngày 08/11/2018 Ngân hàng T với ông Đào Nguyên T3 ký hợp đồng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản về điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng gọi chung là hợp đồng). Hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2.4%/ tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng. Ông T3 thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 72.492.916 đồng.

Lãi suất được tính trên từng giao dịch được phát sinh theo từng ngày theo lãi suất Ngân hàng T áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Ông T3 phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T3 thanh toán cho Ngân hàng T số tiền là 36.191.702 đồng. Số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Thứ tự thanh toán như sau:

Các khoản phí và lãi của kỳ trước;

Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước;

Các khoản phí và lãi trong kỳ;

Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ;

Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Sau đó ông T3 ngừng thanh toán nợ cho ngân hàng. Qua nhiều lần ngân hàng có thông báo nhắc nợ nhưng ông T3 vẫn chưa thanh toán. Ông T3 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Hợp đồng tín dụng thẻ.

Ngày 06/02/2020 Ngân hàng T chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T3 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tại thời điểm này ông T3 đã sử dụng thẻ với số tiền là 60.795.877 đồng.

Tính đến ngày 06/06/2023 ông T3 còn nợ Ngân hàng T số tiền cụ thể:

Nợ gốc: 60.795.877 đồng.

Nợ lãi quá hạn: 88.786.235 đồng; {Lãi suất một ngày [60.795.877 đồng x (2.4% x150%): 30 ngày] = 72.955 đồng}.

Tổng cộng: 149.582.112 đồng.

Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu ông T3 phải thanh toán số tiền là 149.582.112 đồng một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay: Ngân hàng T do ông Trần Đức T2 là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Đào Nguyên T3 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và Hợp đồng thẻ tín dụng, xác định đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Do bị đơn cư trú tại quận P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận P.

Thời hạn tố tụng: Thẩm phán vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, kiến nghị Hội đồng xét xử cần rút kinh nghiệm.

Về người tham gia tố tụng : Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ : Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án : Nguyên đơn Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu ông T3 trả số tiền vay còn thiếu theo Hợp đồng thẻ tín dụng hai bên đã ký kết cùng với tiền lãi tổng cộng số tiền là 149.582.112 đồng và thanh toán một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật. Căn cứ yêu cầu khởi kiện, Hợp đồng tín dụng, lời trình bày của nguyên đơn, chứng cứ thu thập được thẩm tra tại phiên tòa, thể hiện ông T3 có vay tiền của Ngân hàng thông qua hình thức sử dụng tài khoản thẻ tín dụng . Ông T3 có sử dụng thẻ tín dụng để thanh toán tiền và giao dịch mua hàng hóa nhưng chưa trả lại tiền cho ngân hàng. Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét, đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hợp đồng thẻ tín dụng ký ngày 08/11/2018 giữa Ngân hàng T với ông Đào Nguyên T3, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Do bị đơn cư trú tại quận P nên Toà án nhân dân quận P thụ lý giải quyết vụ án theo qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Nguyên đơn Ngân hàng T do ông Trần Đức T2 là người đại diện theo ủy quyền của có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Đào Nguyên T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay bị đơn ông T3 không có mặt để trình bày lời khai và cung cấp chứng cứ. Ông T3 đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tống đạt hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ, yêu cầu của phía nguyên đơn Ngân hàng T để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Xét, Ngân hàng T yêu cầu ông T3 phải thanh toán số tiền còn thiếu là 149.582.112 đồng (Trong đó nợ gốc là 60.795.877đồng và nợ lãi là 88.786.235đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Hợp đồng thẻ tín dụng hai bên ký ngày 08/11/2018 giữa Ngân hàng T với ông Đào Nguyên T3, trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T3 đã thanh toán cho Ngân hàng T số tiền là 36.191.702 đồng. Ông T3 ngưng thanh toán từ tháng 11/2019, Ngân hàng nhiều lần gửi văn bản nhắc nợ nhưng ông T3 vẫn chưa thanh toán tiếp. Ông T3 vi phạm nghĩa vụ trả nợ được cam kết trong Hợp đồng thẻ tín dụng là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng T. Căn cứ các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng T là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về thời hạn thanh toán:

Xét, Ngân hàng T yêu cầu ông T3 thanh toán một lần số tiền nợ gốc và nợ lãi còn thiếu ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Hợp đồng thẻ tín dụng hai bên ký kết, ông T3 ngừng thanh toán từ tháng 11/2019 đến nay là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ . Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi bổ sung năm 2017) yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng T là có cơ sở để chấp nhận.

[5]Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng T được chấp nhận nên bị đơn ông T3 phải chịu án phí trên số nợ phải thanh toán là 149.582.112 đồng x 5% = 7.479.100đồng

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 3.285.408 đồng cho Ngân hàng T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

- Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi bổ sung năm 2017);

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T.

- Buộc ông Đào Nguyên T3 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP T số tiền là 149.582.112 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm tám mươi hai ngàn một trăm mười hai đồng), trong đó nợ gốc là 60.795.877 đồng và nợ lãi là 88.786.235 đồng.

- Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ ngày 07/06/2023 ông T3 phải chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng thẻ ký ngày 08/11/2018 cho đến khi thi hành xong các khoản nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 7.479.100đồng (Bảy triệu bốn trăm bảy mươi chín ngàn một trăm đồng) ông Đào Nguyên T3 phải chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP T số tiền là 3.285.408 đồng (Ba triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn bốn trăm lẻ tám đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0036845 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q.P ;
- Chi cục THA DS Q.P ;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương